

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+BK6+P10	7:25	22+0+0	0+0+0		10+11+0	0+0+0	Chuyen 1 BK6-P10
2		P4+VSP01+VSP02	7:25	20+1+0	0+0+0		15+0+0	0+0+0	Chuyen 1 VSP01-VSP02
3		P4+P8+PVD2	7:25	8+9+5	0+0+0		0+2+15	0+0+0	
4		PPD+BK4+TD1	9:25	22+0+0	0+0+0		14+0+3	0+0+0	Chuyen 1 PPD-BK4Chuyen 8 BK4-TD1
5		RP3+RP1+TD2	9:25	17+1+4	0+0+0		15+0+0	0+0+0	Chuyen 1 RP3-RP1, CHUYEN 1 rp3-td2
6		P8+CTC1+RP3	11:25	7+1+10	0+0+0		9+0+4	0+0+0	
7		P11+P7+PPD	11:25	14+3+2	0+0+0		0+0+10	0+0+0	
8		T.UNG	11:25	15	0		11	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 người BK6 về bờ đi CTC1

2/ P8-3 người đi về trong ngày

3/ 1 người PPD về bờ đi P11

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	TO: PVD2 - BK6 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: QViệt - XTrường - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUANG THANH	PVD2	87	1	8		63	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	SADOVNICHENKO D.	PVD2	80	1	10		110	KHOAN	Russian
4	MULNIUCHKIN V.V	PVD2	81	1	10		100	DVL	Russian
5	USATENKO DMITRII	PVD2	84	1	14		95	DVL	Russian
6	HOANG THAI VIET	PVD2	93	1	13		75	DVL	Vietnamese
7	LE VAN THANG	PVD2	87	1	13		70	DVL	Vietnamese
8	TRUONG MINH KHANH	PVD2	82-83	2	14		74	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM (CN)	PVD2	91-92	2	17		76	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN MINH VU	PVD2	88-89	2	18		75	BAKER HU	Vietnamese
11	ĐẶNG QUỐC THAI	PVD2	99	1	7		63	PVD	Vietnamese
12	PHAN ĐỨC THIÊN	PVD2	94-95	2	12		53	PVD	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LINH	PVD2	96-97	2	8		66	PVD	Vietnamese
14	DƯƠNG QUỐC VINH	PVD2	78	1	8		65	PVD	Vietnamese
15	PHAM QUYẾT THẮNG	PVD2	85-86	2	8		52	PVD	Vietnamese
16	NGÔ VĂN TIEN	PVD2	77	1	5		65	PVD	Vietnamese
17	VU VAN TOAN	PVD2	76	1	7		70	PVD	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LANG	PVD2	98	1	5		55	PVD	Vietnamese
19	TRẦN ĐẶC KIM	PVD2	2000	1	5		70	PVD	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN AN	PVD2	79	1	10		80	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DINH	PVD2	80	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	LÊ CHIẾN THẮNG	PVD2	03	1	8		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	28	210	1.599	0	10		CHUYEN 1 PAX TU BK6 SANG P10
2	BK6	0	0	0	0	60	11	1	
3	P10	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	28	210	1.599	60	21		
WEIGHT KG				210	1.599	60			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P4 - VSP01 - VSP02	CREW: Phong - MTHAO - QTrương	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAGUDA EV VITALI	P4	82	1	3		79	KHI	Russian
2	SUDAKOV ALEKSANDR	P4	88	1	7		118	KHI	Russian
3	NGUYỄN VĂN NAM	P4	96	1	3		60	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	87	1	3		69	KHI	Vietnamese
5	LÊ VĂN HOÀN	P4	91	1	5		69	KHI	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC DUY	P4	94	1	3		63	KHI	Vietnamese
7	VŨ NGỌC TUẤN	P4	90	1	5		84	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN MẠNH	P4	99	1	3		59	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHÚC	P4	93	1	8		70	KHI	Vietnamese
10	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	85	1	5		72	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	89	1	7		80	KHI	Vietnamese
12	PHẠM DUY PHƯƠNG	P4	79	1	5		50	KHI	Vietnamese
13	SAGIROV M. S.	P4	86	1	7		71	KH-THAC	Russian
14	OVCHARENKO A. N.	P4	95	1	5		83	KH-THAC	Russian
15	HOÀNG KHÁC DŨ	P4	97	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ VĂN QUỲNH	P4					77	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	92	1	6		72	KHI	Vietnamese
18	LÊ QUANG VINH	P4	98	1	7		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TẮT KHÁNH	P4	83-84	2	10		72	KHI	Vietnamese
20	TRẦN BA THƯƠNG	P4	80-81	2	15		61	KHI	Vietnamese
21	TRẦN ANH TUẤN	VSP01	91	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

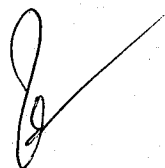
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	21	111	1.450	0	15	1	CHUYEN 01 PAX TU VSP01 SANG VSP02
2	VSP01	1	1	15	70	0	0		
3	VSP02	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	22	126	1.520	0	15		
WEIGHT KG				126	1.520	0			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	TO: P4 - P8 - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - Mạnh - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU NAM	P4	701-702	2	8		75	KHI	Vietnamese
2	VŨ VĂN SƠN	P4	08	1	9		59	KHI	Vietnamese
3	VI ĐỨC TU	P4	06-07	2	14		64	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	P4	03	1	5		57	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	04,23	2	14		78	KHI	Vietnamese
6	TRẦN SƠN THIÊN	P4	03	1	8		57	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU Y	P4	09	1	7		94	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THĂNG	P4	01	1	7	21	59	KHI	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC THUAN	P8	81	1	6		55	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG DUAN	P8	84-85	2	4		53	PSV	Vietnamese
11	MAI CAO DINH	P8	83	1	7		61	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN DUONG	P8	82	1	4		62	PSV	Vietnamese
13	LÊ TUẤN VŨ	P8					61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ TIẾN	P8	76	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
15	MIRSAYAPOV RUSLAN	P8	77	1	4		104	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P8	79-80	2	9		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	78	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PVD2	19-20	2	18		48	PVD TECH	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HOAN	PVD2	25-26	2	11		75	PVD TECH	Vietnamese
20	LÊ ANH PHƯỚC	PVD2	21-22	2	16		93	PVD TECH	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUÂN	PVD2	23-24	2	11		82	PVD TECH	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC TẬP	PVD2	17-18	2	11		73	PVD TECH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

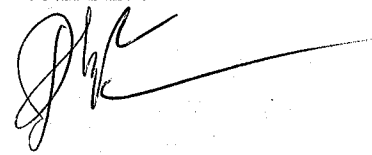
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	11	72	543	21	0		
2	P8	9	10	43	602	0	2		
3	PVD2	5	10	67	371	0	15		
TOTAL		22	31	182	1.516	21	17		
WEIGHT KG				182	1.516	21			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: PPD - BK4 - TD1	CREW: QViệt - XTrường - Huy	ETA: 11:20

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	01	1	4		70	KHI	Vietnamese
2	OKOVANTSEV GENNADY	PPD	26	1	10		115	KHI	Russian
3	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	05-06	2	7		80	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	08	1	7		75	KHI	Vietnamese
5	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	07	1	5		78	KHI	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	99	1	5		78	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	14	1	5		90	KHI	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	17	1	6		57	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	15	1	3		72	KHI	Vietnamese
10	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	21	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	22-23	2	10		69	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TỬ	PPD	20	1	10		75	KHI	Vietnamese
13	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	16-17	2	10		70	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	03	1	4		69	KHI	Vietnamese
15	LÊ TRUNG LÂN	PPD	19	1	4	11	81	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	12	1	5		59	KHI	Vietnamese
17	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	04	1	6		64	KHI	Vietnamese
18	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	09	1	5		85	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	02	1	3		67	KHI	Vietnamese
20	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	24	1	4		85	KHI	Vietnamese
21	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	10-11	2	12		98	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	13	1	3		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

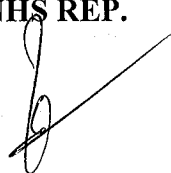
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	26	133	1.684	11	14	1	Chuyen 1 pax PPD-BK4
2	BK4	0	0	0	0	0	0	0	Chuyen 8 pax BK4-TD1
3	TD1	0	0	0	0	30	3		
TOTAL		22	26	133	1.684	41	17		
WEIGHT KG				133	1.684	41			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

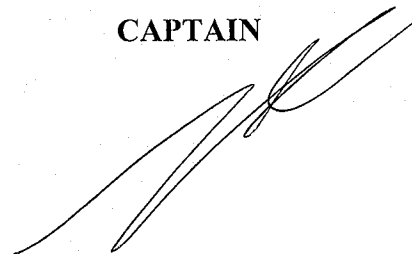
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	TO: RP3 - RP1 - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - QTrương	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP3	40	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
2	KHARITINOV YURI	RP3	65	1	8		77	KHI	Russian
3	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	51	1	5		82	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					92	KHI	Vietnamese
5	LÊ HOÀNG ANH	RP3	50	1	7		68	KHI	Vietnamese
6	HA VĂN THUY	RP3	46	1	6		71	KHI	Vietnamese
7	PHẠM VĂN KỶ	RP3	44	1	4		66	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	47	1	4		61	KHI	Vietnamese
9	PANKRATOV	RP3	64	1	8		92	KHI	Russian
10	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	49	1	4		81	KHI	Vietnamese
11	VŨ THÀNH LONG	RP3	41-42	2	8	90	88	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HUNG	RP3	43	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN QUANG VŨ	RP3	54	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÓN LONG	RP3	45	1	7		74	KHI	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN HAI	RP3	48	1	7		65	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	53	1	5	23	66	KHI	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	52	1	4		74	KHI	Vietnamese
18	ĐO HỒNG VĂN	RP1	56	1	10	13	70	XAYLAP	Vietnamese
19	KHUC THAI HOA	TD2	80	1	10		70	DMC-MI	Vietnamese
20	TRẦN QUANG KỶ	TD2	78-79	2	15		67	DMC-MI	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU TÍNH	TD2	81	1	15		71	DMC-MI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD2	77	1	12	16	63	DMC-MI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	17	111	1.289	113	15	2	Chuyen 1 pax RP3-RP1, chuyen 1 pax RP3-TD2
2	RP1	1	1	10	70	13	0		
3	TD2	4	5	52	271	16	0		
TOTAL		22	23	173	1.630	142	15		
WEIGHT KG				173	1.630	142			

GRAND TOAL: 1.945 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 06	TO: P8 - CTC1 - RP3	CREW: Hạnh - NPhú - Toàn	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VĂN TÂN	P8	74-75	2	5	40	68	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG TRI NAM	P8	71	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG VĂN TUNG	P8	72-73	2	11		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TUẤN NGỌC	P8	69-70	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
6	CAO KINH THAO	P8	67-68	2	18		70	T-TIN	Vietnamese
7	LE NGỌC TÂN	P8	77	1	12	35	63	T-TIN	Vietnamese
8	TRAN HONG THANH	CTC1	38	1	10	18	77	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN BÀ HIỆP	RP3	82	1	7		78	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN CHUÔNG	RP3	68-69	2	10		68	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ TRUNG THÔNG	RP3	70-71	2	7		68	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SINH CỎ	RP3	66-67	2	15		76	KHI	Vietnamese
13	LÊ MẠNH HÙNG	RP3	72	1	12		76	ANTOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC KHÁNH	RP3	73	1	10	15	59	TRƯỜNG	Vietnamese
15	VÕ TÂN TÀI	RP3	98	1	13		70	TRƯỜNG	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	RP3	96	1	10	5	66	TRƯỜNG	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	RP3	94-95	2	11		70	TRƯỜNG	Vietnamese
18	HOÀNG THANH PHÚC	RP3	97	1	10		67	TRƯỜNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	7	11	80	464	75	9		
2	CTC1	1	1	10	77	18	0		
3	RP3	10	14	105	698	20	4		
TOTAL		18	26	195	1.239	113	13		
WEIGHT KG				195	1.239	113			

GRAND TOAL: 1.547 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	TO: P11 - P7 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - N.Nam	ETA: 13:35
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TARGANOV G. V.	P11	49	1	5		90	TTAT	Russian
2	VU VIỆT THANH	P11					74	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THU	P11	43	1	8		65	D-HANH	Vietnamese
4	ĐÌNH TRUNG KIẾN	P11	38	1	3		69	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU VĂN	P11	37	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
6	LÊ VĂN LÂM	P11	36	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	CHU MINH HUNG	P11	39	1	4	20	81	KH-THAC	Vietnamese
8	KRAPIVKA V. S.	P11	46	1	4		91	KH-THAC	Russian
9	TRẦN VINH PHƯƠNG	P11	35	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	YUSUPOV D. S.	P11	47	1	5		71	KH-THAC	Russian
11	KRAMARENKO V. V.	P11	48	1	7		63	KH-THAC	Russian
12	NGO KIM NGHIEP	P11	50-51	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN LINH	P11	42	1	3		79	NIPI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN AI	P11	34	1	4		53	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐÌNH TÂM	P7	95-96	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
16	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P7	36	1	11	25	75	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI DUY TÂN	P7	97-99,200	4	15	27	66	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	18	1	3		54	KHI	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	17	1	9		79	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

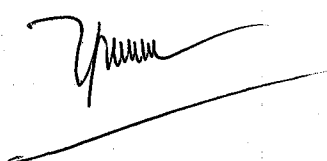
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	14	14	71	1.021	20	0		
2	P7	3	7	41	214	52	0		
3	PPD	2	2	12	133	0	10		
TOTAL		19	23	124	1.368	72	10		
WEIGHT KG				124	1.368	72			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/04/2022	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phương - MMinh	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TUÂN	T.UNG	97-98	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	T.UNG	99	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH QUÊ	T.UNG	77	1	9	50	81	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC ĐẠI	T.UNG	90	1	5	15	83	KH-THAC	Vietnamese
5	TRỊNH HỮU CÂN	T.UNG	700	1	18		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ MINH HOANG	T.UNG	799	1	5	18	73	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MINH ĐỨC	T.UNG	84	1	15		105	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	73	1	5	18	80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG DƯƠNG	T.UNG	71-72	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VĨNH PHÚ	T.UNG	95	1	7		73	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	T.UNG	96	1	6		67	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG THÀNH	T.UNG	800	1	12		77	ANTOAN	Vietnamese
13	VŨ VĂN DỤC	T.UNG	93-94	2	7		71	ANTOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN CUÔNG	T.UNG	78-79	2	15		82	DVL	Vietnamese
15	PHẠM TÙNG VY	T.UNG	76	1	11		67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	15	19	150	1.143	101	11		
TOTAL		15	19	150	1.143	101	11		
WEIGHT KG				150	1.143	101			

GRAND TOAL: 1.394 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN